| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN ĐỨC HÒA**<br>**TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 142/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 7 - 2019.
V/v tranh chấp "Ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Hồng Sơn,

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Đào Văn Hùng,

2. Ông Lý Văn Hùng.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 360/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2019/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Hạnh P, sinh năm 1984. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã B, huyện Đ, tỉnh Long An.

***- Bị đơn:*** Anh Lê Minh C, sinh năm 1985. (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện ly hôn ngày 01 tháng 4 năm 2019 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Hạnh P trình bày:* Chị và anh Lê Minh C cưới nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An vào ngày 05/12/2005. Vợ chồng sống hạnh P được mười năm. Đến năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh C không quan tâm chăm sóc vợ con. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2015

đến nay. Nay, tình nghĩa vợ chồng không thể hàn gắn nên Chị xin ly hôn với anh C.

Về con chung: Quá trình chung sống, Chị và Anh C có hai con chung tên Lê Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 29/12/2006 và Lê Phát Đ, sinh ngày 30/12/2010. Hai con hiện đang sinh sống với Chị P. Khi ly hôn, Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị nêu không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, chị P có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, các văn bản tố tụng cần thiết, đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các thủ tục theo pháp luật quy định nhưng anh C vẫn vắng mặt, cũng không có văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ các kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Nguyễn Hạnh P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Lê Minh C; anh C hiện có địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (Công an xã xác nhận) nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phúc có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị P và anh C chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An vào ngày 05/12/2005 nên hôn nhân giữa Anh Chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3]. Về yêu cầu ly hôn: Trong quá trình chung sống, chị P cho rằng năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh C không quan tâm chăm sóc vợ con. Cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Đối với anh C, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, mặc dù đã được tống đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo quy định, biết được yêu cầu khởi kiện của chị P nhưng anh C không đến Tòa án và cũng không có ý kiến gì phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị P. Tại phiên tòa hôm nay, anh C vẫn vắng mặt, chứng tỏ Anh không có thiện chí để hàn gắn. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung vợ chồng của Anh Chị không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, xét yêu cầu

ly hôn của chị P đối với anh C là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về con chung: Quá trình chung sống, chị P và anh C có hai con chung tên Lê Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 29/12/2006 và Lê Phát Đ, sinh ngày 30/12/2010. Hai con hiện đang sinh sống với Chị. Khi ly hôn, Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Đối với anh C, dù đã được thông báo về yêu cầu của chị P đối với con chung nhưng Anh không đến Tòa án cũng không có văn bản phản hồi ý kiến gửi Tòa án. Xét thấy, để đảm bảo sự phát triển bình thường và theo nguyện vọng của hai cháu thấy rằng cần tiếp tục giao hai con chung cho chị P nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị P không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Chị P trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh C không có văn bản phản hồi ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Chị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 483, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Hạnh P đối với anh Lê Minh C về việc "Ly hôn".

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Hạnh P được ly hôn với anh Lê Minh C.

- Về con chung: Chị P được quyền tiếp tục nuôi hai con chung tên Lê Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 29/12/2006 và Lê Phát Đ, sinh ngày 30/12/2010. Hai con hiện đang sinh sống với Chị. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị P không có yêu cầu.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không nuôi con được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được

quyền ngăn cản. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0004448 ngày 10/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An. Chị P đã nộp đủ.

Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
*- Đương sự;*
*- TAND tỉnh Long An;*
*- VKSND huyện Đức Hòa;*
*- UBND xã H;*
*- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;*
*- Lưu hồ sơ.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Hồng Sơn**